

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa:

**Nguyên đơn:** Anh **Lê Văn Đ** - Sinh năm 1988

Trú tại: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

**Bị đơn:** Chị **Hồ Thị T** - Sinh năm 1989

Trú tại: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Lê Văn Đ** và chị **Hồ Thị T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh **Lê Văn Đ** và chị **Hồ Thị T** thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh **Lê Văn Đ** và chị **Hồ Thị T** thống nhất có hai một con chung là **Lê Văn H**, sinh ngày 19/8/2012 và **Lê Hồ Ngọc Á**, sinh ngày 14/3/2014.

Ly hôn, hai bên thỏa thuận: Anh **Đ** trực tiếp nuôi cháu **Lê Văn H**, chị **T** trực tiếp nuôi cháu **Lê Hồ Ngọc Á**. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh **Đ**, chị **T** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ:* Anh **Lê Văn Đ** và chị **Hồ Thị T** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh **Lê Văn Đ** và chị **Hồ Thị T** thống nhất: Anh **Đ** chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí anh **Đ** phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0005296 ngày 20/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Anh **Đ** được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THADS huyện Như Thanh;
- UBND xã Xuân Khang, huyện Như Thanh;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Tiến Dũng**